Name:……

Class:……..

Date:……

English 5 - Exercise 6: THE SIMPLE PRESENT TENSE

THÌ HIỆN TẠI ĐƠN CỦA ĐỘNG TỪ THƯỜNG

I. Các trạng từ đi kèm:

- Always, usually, often, sometimes, seldom, rarely, hardly, never ,…
- Every day, week, month, year,…
- Once, twice, three times, four times….. a day/ week/ month/ year,…

II. Công thức:

	Câu khẳng định	Câu phủ định	Câu nghi vấn
Công Thức	S + V(s/es) • I/ We/ You/ They/ Danh từ số nhiều + V(nguyên thể) • He/ She/ It/ Danh từ số ít/ Danh từ không đếm được + V(s/es	S + do/ does + not + V(nguyên thể) • do not = don't • does not = doesn't	Do/ Does (not) + S + V (nguyên thể)? • Yes, S + do/ does. • No, S + don't/ doesn't Wh- + do/ does (not) + S + V (nguyên thể)….?
Ví dụ	• They often go to school by motorbike • She does housework everyday	• She doesn't like banana • I do not usually get up early.	• Does she go to work everyday? Yes, she does • Why doesn't he learn IELTS?

❖ ***Note: S (Subject): Chủ từ - V(Verb): Động từ***

III. Quy tắc thêm "S" hoặc "ES" sau động từ

Ở dạng khẳng định của thì hiện tại đơn, với các chủ ngữ ngôi thứ 3 số ít (He/ She/ It), động từ phải thêm "S" hoặc "ES":

1. Thêm "S" vào sau hầu hết các động từ
Ví dụ: come – comes; sit – sits; learn – learns;…

2. Thêm "**ES**" vào sau các **động từ kết thúc bằng đuôi sh, ch, z, x, s, o**
Ví dụ: watch – watches; go – goes; do – does; wash – washes; quiz – quizzes;…

3. Nếu một **động từ có đuôi "Y"**:
a. Trước nó là một nguyên âm (a, u, e, i, o) => giữ nguyên "Y", thêm "S"
Ví dụ: play – plays;…

b. Trước nó là một phụ âm => đổi "Y" thành "I" và thêm "ES"
Ví dụ: marry – marries; study – studies; carry – carries; worry – worries;…

LIVEWORKSHEETS

IV. Các bước chia động từ:

B1: Xác định thì (Có các trạng từ thường gặp của thì HTĐ ko)

B2: Xác định thể (Khẳng định - Phủ định - Nghi vấn)

B3: Xác định chủ từ (S: I, YOU, WE, THEY, DTSN hay HE, SHE, IT, DTSI)

B4: Xác định động từ chính => dò công thức của THỂ + CHỦ TỪ để chia động từ cho thích hợp.

Ex: 1. I _____ (play) badminton twice a week.

2. Mary _____ (watch) TV every day.

3. He _____ (not, talk) with friends online on Mondays.

4. _____ you _____ (have) on Tuesday? - Yes, I do.

Q1. Chọn dạng đúng của từ.

1. I **read / reads** books every day.

2. My dad is a driver. He always **wear/ wears** a white coat.

3. They never **drink/ drinks** beer.

4. Lucy **go/ goes** window-shopping seven times a month.

5. She **have/ has** a pen.

6. Mary and Marcus **eat out/ eats out** everyday.

7. Mark usually **watch/ watches** TV before going to bed.

8. Maria is a teacher. She **teach/ teaches** students.

9. We often **play/ plays** soccer in the evening.

10. Tom **study/ studys / studies** Maths five times a week.

11. Her brothers **like / likes** playing football very much.

12. I **don't / doesn't** have Science today.

13. He **don't / doesn't** look for information in the morning.

14. Linda doesn't **surf / surfs** the Internet on Saturday.

15. My friends **don't / doesn't** have four lessons today.

16. **Do / Does** you often read books?

17. **Do / Does** John **play / plays** chess every Thursday?

18. **Do / Does** your sister **have / has** a dog?

19. Nhi usually **chat / chats** with her aunt on the phone.

20. Ms Linh doesn't **go / goes** to bed late.

21. What **do/ does** Jenny do in her free time?

22. Her dad doesn't **go/ goes** to work today.

Q2. **Điền dạng đúng của từ trong ngoặc.**

1. She often (study) ……. on Saturday.

2. He (have) ……. a new haircut today.

LIVEWORKSHEETS

3. I usually (have) ……..….breakfast at 6.30.

4. Peter (not/ study)……..….very hard. He never (get) …….. high scores.

5. My mother often (teach)……..….me English on Saturday evenings.

6. I like Math and she (like)……...Literature.

7. My sister (wash)……..….the dishes every day.

8. They (not/ have)……..….breakfast every morning.

Q3. Chuyển sang thể phủ định và nghi vấn.

THỂ PHỦ ĐỊNH	THỂ NGHI VẤN
Ex: Mary **reads** books every day. => Mary **doesn't read** books every day. 1. They have five lessons today. =>…… 2. He watches TV twice a day. => …… 3. My brother rides a bike to school on Monday. …… ……	Ex: Mary **reads** books every day. => **Does** Mary **read** books every day? 1.They have five lessons today. =>…….. 2.He watches TV twice a day. => …… 3.My brother rides a bike to school on Monday. …… ……

LIVEWORKSHEETS